

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2019/DS-ST

Ngày: 18-02-2019

“V/v Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hoa.
2. Ông Nguyễn Đỗ Danh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Bích - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLST-DS ngày 08 tháng 10 năm 2018 về tranh chấp Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 01 năm 2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2019/QĐST-DS ngày 18 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần B.

Địa chỉ: 109 T, quận H, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu T, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh V(Theo Giấy ủy quyền số 6650/2017/QĐ-TGD ngày 20-6-2017).

Ông Nguyễn Hữu T ủy quyền lại cho ông Nguyễn V, chức vụ: Giám đốc Phòng Giao dịch C trực thuộc Ngân hàng Thương mại Cổ phần B - Chi nhánh V(Theo Giấy ủy quyền số 214/2018/QĐ-LPB.VT ngày 10-8-2018) (Có đơn xin vắng mặt).

- Bị đơn: Ông Lăng Hiếu L, sinh năm 1988 (Vắng mặt).
Địa chỉ: Tổ 0, thôn S, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần (TMCP) B do ông Nguyễn V làm đại diện theo ủy quyền, trình bày:

Ngày 16-01-2017, ông Lăng Hiếu L có vay tiền tại Ngân hàng TMCP- Chi nhánh V cụ thể như sau: Số tiền cho vay 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng); Thời hạn vay: 60 tháng; Mục đích vay: Mua sắm vật dụng gia đình; Ngày giải ngân: 16-01-2017; Kỳ hạn trả nợ: Trả gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng. Trả gốc mỗi kỳ 834.000 đồng; Ngày trả nợ gốc cuối cùng 16-01-2022; Lãi suất cho vay là 13%/01 năm; Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm. Chi tiết theo các chứng từ sau: Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 04/120117/04/570 ngày 16-01-2017 ký giữa đại diện Ngân hàng TMCP B - Chi nhánh V và ông Lăng Hiếu L. Sau khi vay tiền thì thời gian đầu ông L thanh toán đúng hạn tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng là 18.488.286 đồng (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 11.676.000 đồng và tiền lãi là 6.812.286 đồng. Từ ngày 15-04-2018 cho đến nay thì ông L không thanh toán được khoản nào. Tính từ ngày ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ (ngày 15-4-2018) cho đến ngày 25-12-2018 thì ông Lăng Hiếu L còn nợ Ngân hàng số tiền là 42.591.157 đồng, trong đó tiền gốc 38.324.000 đồng, tiền lãi trong hạn 3.473.620 đồng, tiền lãi quá hạn 793.537 đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán số tiền còn thiếu trên. Đối với yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả nợ xong thì Ngân hàng rút lại yêu cầu này và đề nghị Tòa án tuyên lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Ngày 18-02-2019, nguyên đơn do ông Nguyễn V là đại diện theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt, xác định tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông L phải thanh toán tính đến ngày 18-02-2019 là 51.652.264đ (Năm mươi một triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó số tiền nợ gốc 38.324.000đ (Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi trong hạn là 9.174.000đ (Chín triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi quá hạn là 4.154.264 đ (Bốn triệu một trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng).

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng bị đơn ông Lăng Hiếu L vẫn cố tình vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng phần quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc ông L phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 51.652.264đ (Năm mươi một triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 38.324.000đ (Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi trong hạn là 9.174.000đ (Chín triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi quá hạn là 4.154.264 đ (Bốn triệu một trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng). Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn rút lại phần yêu cầu tính tiền lãi phát sinh theo hợp đồng kể từ thời điểm xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa các bên.

Về án phí: Ông L phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP B khởi kiện yêu cầu ông Lãng Hiếu L phải trả số tiền vay còn thiếu theo Hợp đồng tín dụng đã ký giữa hai bên nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp về Hợp đồng tín dụng”; Nơi cư trú của ông Lãng Hiếu L là xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn V là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Lãng Hiếu L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ số 04/120117/04/570 ngày 16-01-2017 thì ông L có vay của Ngân hàng TMCP B số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) theo hình thức trả tiền gốc, lãi hàng tháng. Mục đích vay để mua sắm vật dụng gia đình. Trả nợ gốc và lãi vào ngày 15 hàng tháng, trả gốc mỗi kỳ 834.000 đồng. Ngày trả nợ gốc cuối cùng 16-01-2022. Lãi suất cho vay là 13%/01 năm. Lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Hình thức cho vay không có tài sản bảo đảm. Xét thấy, các thỏa thuận của đương sự

trong Hợp đồng tín dụng kiêm Khế ước nhận nợ là tự nguyện, không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Đại diện Ngân hàng xác định sau khi được giải ngân tiền vay thì ông L chỉ thanh toán cho Ngân hàng số tiền 18.488.286 đồng (Mười tám triệu bốn trăm tám mươi tám ngàn hai trăm tám mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 11.676.000 đồng và tiền lãi là 6.812.286 đồng. Do từ ngày 16-4-2018 ông L vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 18-02-2019 là 51.652.264đ (Năm mươi một triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng), trong đó số tiền nợ gốc là 38.324.000đ (Ba mươi tám triệu ba trăm hai mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi trong hạn là 9.174.000đ (Chín triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn đồng), tiền lãi quá hạn là 4.154.264 đ (Bốn triệu một trăm năm mươi bốn ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng) và lãi suất chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã ra Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đối với ông L nhưng hết thời hạn thông báo theo quy định của pháp luật ông L vẫn không có ý kiến phản hồi. Tòa án tiến hành xác minh nơi sinh sống của ông L tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú. Kết quả xác minh cho thấy vào thời điểm ông L ký Hợp đồng tín dụng vay vốn của Ngân hàng thì ông L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: Tổ 0, thôn S, xã L, huyện C, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu. Sau đó ông L bỏ đi khỏi địa phương nhưng không thông báo địa chỉ mới cho chính quyền địa phương. Như vậy, ông L đã cố tình che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông L phải thanh toán tổng số tiền tính đến ngày 18-02-2019 với số tiền yêu cầu 51.652.264đ (Năm mươi một triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng) là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng.

[3] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức tại phiên tòa về thủ tục tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[4] Về án phí: Ông L phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả cho Ngân hàng được Tòa án chấp nhận là 51.652.264đ (Năm mươi một triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng) x 5% = 2.582.600đ (Hai triệu năm trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm đồng).

Ngân hàng TMCP B không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 2, khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự; Điều 91, 94, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

1. Buộc ông Lăng Hiếu L phải có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần B số tiền 51.652.264đ (Năm mươi một triệu sáu trăm năm mươi hai ngàn hai trăm sáu mươi bốn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí:

Ông Lăng Hiếu L phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.582.600đ (Hai triệu năm trăm tám mươi hai ngàn sáu trăm đồng).

Ngân hàng Thương mại Cổ phần B không phải nộp án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng số tiền 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) là tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2017/0004971 ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

(Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND H.Châu Đức;
- Chi cục THADS H.Châu Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lê Thị Thanh Nga

